TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Thạch Thị Minh Châu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tô Ngọc T**, sinh năm 1994; (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ST, xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1997; Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp OE, xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018 và quá trình tố tụng chị Tô Ngọc T trình bày:

Vào năm 2017, chị Tô Ngọc T và anh Nguyễn Quốc T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng lên Thành phố TV để thuê nhà trọ sinh sống và đi làm, được khoảng 01 tháng thì anh T có quen với một người phụ nữ khác và dọn đồ ra ngoài không sống chung với chị T nữa, nay xét thấy không còn tình cảm gì

với anh T nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 07/6/2018 bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Vào năm 2017, anh T và chị T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã PC, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau chỉ được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng cự cãi. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh T cũng thống nhất.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Tô Ngọc T (bản photo công chứng); 01 sổ hộ khẩu do ông Tô Văn S làm chủ hộ (bản photo công chứng); 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính);

Những tình tiết mà các bên đương sự thống nhất: Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T thống nhất ly hôn với chị Tô Ngọc T; Về con chung: Hai bên thống nhất khai không có; Về tài sản chung và nợ chung: hai bên thống nhất khai không có.

Những tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Tô Ngọc T và bị đơn anh Nguyễn Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tô Ngọc T và anh Nguyễn Quốc T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Tô Ngọc T và anh Nguyễn Quốc T có đăng ký kết hôn với nhau là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chòng sống chung với nhau chỉ được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị T xin ly hôn anh T cũng đồng ý, việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T khai không có. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T khai không có. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Tô Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tô Ngọc T và anh Nguyễn Quốc T

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tô Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017762 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Tô Ngọc T đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã PC;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thị Thu Hiền